

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**
2022

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
Phần mở đầu	3
I Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	3
Điều 1 Các định nghĩa	3
II Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VPĐD, Kênh tiêu thụ và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, VPĐD, Kênh tiêu thụ và thời hạn hoạt động của Công ty	4
III Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
Điều 3 Mục tiêu của Công ty	7
Điều 4 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
Điều 5 Tổ chức Đảng, Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội trong Doanh nghiệp	8
IV Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 6 Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7 Chứng chỉ cổ phiếu	10
Điều 8 Chuyển nhượng cổ phần	10
V Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	11
Điều 9 Cơ cấu tổ chức quản lý	11
VI Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 10 Quyền hạn của cổ đông Công ty	11
Điều 11 Nghĩa vụ của các cổ đông	12
Điều 12 Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 13 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 14 Các đại diện được uỷ quyền	15
Điều 14b Thay đổi các quyền	16
Điều 15 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Họp và thông báo	16
Điều 16 Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và Biên bản Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17 Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua các hình thức gửi văn bản	21
Điều 17b Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 17c Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
VII Hội đồng quản trị	24
Điều 18 Thành phần và nhiệm kỳ	24
Điều 18a Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 19 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 20 Chủ tịch Hội đồng quản trị, phó chủ tịch và thành viên HĐQT	29
Điều 21 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .	30
VIII Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác và thư ký Công ty	33
Điều 22 Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 23 Người điều hành công ty	34
Điều 24 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Giám đốc	34
Điều 25 Thư ký Công ty	35
IX Nhiệm vụ được uỷ thác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người Đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp và người quản lý	36

	Điều 26	Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người Đại diện theo pháp luật và người quản lý Công ty	36
	Điều 27	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
	Điều 28	Trách nhiệm bồi thường	38
X	Ban kiểm soát		38
	Điều 29	Ban Kiểm soát	38
XI	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty		42
	Điều 30	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty	42
XII	Công nhân viên và công đoàn		43
	Điều 31	Công nhân viên và công đoàn	43
XIII	Phân chia lợi nhuận		43
	Điều 32	Cổ tức	43
	Điều 33	Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	44
XIV	Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và hệ thống kế toán		44
	Điều 34	Tài khoản ngân hàng	44
	Điều 35	Năm tài khoá	44
	Điều 36	Hệ thống kế toán	45
XV	Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng		45
	Điều 37	Báo cáo hàng năm	45
	Điều 38	Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng	45
XVI	Kiểm toán Công ty		45
	Điều 39	Kiểm toán	45
XVII	Con dấu		46
	Điều 40	Con dấu	46
XVIII	Chấm dứt hoạt động và thanh lý		46
	Điều 41	Chấm dứt hoạt động	46
	Điều 42	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ đông	46
	Điều 43	Thanh lý	47
XIX	Giải quyết tranh chấp nội bộ		47
	Điều 44	Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
XX	Sửa đổi Điều lệ		48
	Điều 45	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
XXI	Ngày hiệu lực		48
	Điều 46	Ngày hiệu lực	48
	Điều 47	Cổ đông	49

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-TCCB ngày 15 tháng 5 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.

Căn cứ Quyết định số 21/2004/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông thành Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông, và ngày 15/6/2004 Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 47/2004/QĐ-BCN về việc sửa đổi Khoản 1, Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 21/2004/QĐ-BCN.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ năm 2012 số 1163B/NQ-DHĐCD/2012 ngày 05/5/2012.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 2669/NQ-DHĐCD/2022 ngày 25/6/2022.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông đã nhất trí thông qua nội dung của Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Điều lệ này sẽ chi phối và điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.

Điều 1 : Định nghĩa các thuật ngữ.

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây :
 - a. “*Hội đồng*” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
 - b. “*Địa bàn kinh doanh*” có nghĩa là lãnh thổ Việt nam và nước ngoài.
 - c. “*Vốn Điều lệ*” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
 - d. “*Luật doanh nghiệp*”: có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
 - e. “*Ngày thành lập*” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu.

g. “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý Công ty bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i. “*Cổ đông*” có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

j. “*Cổ tức*” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

k. “*Thời hạn hoạt động*” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.

l. “*Việt Nam*” có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2 - Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3 - Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4 - Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II - TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, KÊNH TIÊU THỤ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Điều 2 : Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Kênh tiêu thụ và Thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là “**Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông**”.

Tên tiếng Anh là “RANG DONG LIGHT SOURCES & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY”.

Tên viết tắt Công ty là “RALACO”

2. Hình thức :

a. Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập bằng hình thức chuyển Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông - Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

b. Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt nam ; có con dấu riêng, độc lập về tài sản, tự chủ về tài chính, được mở tài khoản trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật; có Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Chịu trách nhiệm hữu hạn về tài chính đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn Điều lệ.

Là đơn vị kế thừa duy nhất quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.

- c. Tổng giám đốc là đại diện theo Pháp luật của Công ty.
- d. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện, các Kênh tiêu thụ tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

3. Trụ sở :

- Trụ sở chính : 87 - 89 phố Hạ đình, Phường Thanh Xuân trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại : (84-24) 38584310 -(84-24) 38584165 - FAX: (84-24) 38585038

Email : ralaco@rangdong.com.vn Website : www.rangdong.com.vn

- Trụ sở cơ sở II : Khu liên kề khu Công nghiệp Quế Võ, Bắc Ninh
Thôn Giang Liễu, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, Bắc Ninh

Điện thoại : 0222. 3214398 - FAX: 0222. 3214397

- Các Chi nhánh :

a . Chi nhánh TP Đà Nẵng :

Địa chỉ : 169 Đường Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại : 0511.2245 386 - FAX 0511. 3649 758

b. Chi nhánh TP Nha Trang:

Địa chỉ : Số 12A Vân Đồn, Phường Phước Hòa, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.

Điện thoại : 058.3874488 - FAX: 058.3873366

c. Chi nhánh Tây Nguyên :

Địa chỉ : Số 142 Đường Lê Thánh Tông, Phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại : 0262.3839789

d. Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Số 177-179 Đường số 26, Phường 10, Quận 6, TP. HCM.

Điện thoại : 08.37545233 - FAX : 08.37545232

e. Chi nhánh TP Cần thơ :

Địa chỉ: Số 77AA - 79AA Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Điện thoại : 071.03813346 - FAX : 071.813 342

f. Chi nhánh TP Biên Hoà :

Địa chỉ : Số 14 - A18 Khu dân cư mở rộng, Phường An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : 0618.860 365 - FAX : 0618.860 366

g. Chi nhánh Tiền Giang :

Địa chỉ : Số 18-20 Đường Huyện Toại, Phường 1, TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại : 073.3977455 - FAX : 0733977466

h. Trung tâm Kinh doanh dịch vụ chiếu sáng Hà Nội :

Địa chỉ: 87 - 89 phố Hạ đình, Phường Thanh Xuân trung, Quận Thanh xuân, Hà Nội.

Điện thoại (84-24) 38584310 -(84-24) 38584165 -FAX: (84-24) 38585038

i. Trung tâm Kinh doanh dịch vụ chiếu sáng Hồ Chí Minh :

Địa chỉ: Lầu 2 số 177-179 Đường số 26, Phường 10, Quận 6, TP. HCM.

Điện thoại : 08.37 553 382 - FAX : 08.7 553 354

k. Trung tâm Kinh doanh & Tư vấn chiếu sáng Đà Nẵng :

Địa chỉ: 169 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

l. Trung tâm Kinh doanh & Tư vấn chiếu sáng Nha Trang :

Địa chỉ: Lầu 2, nhà số 12A đường Vân Đồn, Phường Phước Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

- Văn phòng đại diện :

. Văn phòng TP Vinh - Tỉnh Nghệ An :

Địa chỉ : Số 17 Ngô Đức Kế, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An .

Điện thoại (FAX) : 038.563439

- Các Kênh tiêu thụ :

a. Kênh Truyền thống:

Điện thoại : 04 35584210

b. Kênh Công trình dự án:

Điện thoại : 04 38589138

c.Kênh Siêu thị hiện đại:

Điện thoại : 04 32222349

d. Kênh Nông nghiệp Công nghệ cao:

Điện thoại : 04 38587016

* Địa chỉ 4 Kênh: 87-89 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Kênh tiêu thụ của Công ty thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Kênh tiêu thụ của Công ty được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động do HĐQT Công ty phê duyệt.

4. Thời hạn: Là vô hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Điều 3 : Mục tiêu của Công ty.

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bóng đèn, vật tư thiết bị điện, dụng cụ chiếu sáng, sản phẩm thủy tinh và các loại phích nước.
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp.
- Tư vấn và thiết kế chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Sửa chữa và lắp đặt thiết bị chiếu sáng trong dân dụng, công nghiệp.
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Dịch vụ vận chuyển hàng hoá.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu của Công ty: Công ty được thành lập để huy động mới và sử dụng các nguồn lực sẵn có trong việc phát triển sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu tạo ra lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động; Quyền và Nghĩa vụ của Doanh nghiệp.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.
3. Quyền của Doanh nghiệp :
 - a. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.
 - b. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh ; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh .
 - c. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
 - d. Chủ động tìm kiếm thị trường , khách hàng và ký kết hợp đồng.
 - e. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
 - g. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

- h. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- i. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- k. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
- l. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
- m. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- n. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan .

4- Nghĩa vụ của Doanh nghiệp :

- a. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- b. Tổ chức công tác kế toán , lập và nộp báo cáo tài chính trung thực , chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.
- c. Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật .
- d. Bảo đảm quyền , lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp ; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em ; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ; thực hiện chế độ BHXH , BHYT, BHTN và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- e. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật qui định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
- g. Thực hiện đầy đủ , kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp , công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan .
- h. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo ; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác , chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó .
- i. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự , an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh
- k. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

Điều 5: Tổ chức Đảng, Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội trong Doanh nghiệp:

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Luật Công đoàn.
3. Các Tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.
4. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở , gây khó khăn đối với hoạt động của tổ chức Đảng CSVN , tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp ; không được cản trở gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

IV . VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông Sáng lập.

1. **Vốn Điều lệ :** Vào ngày thông qua điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: 229.474.190.000 VNĐ (Hai trăm hai mươi chín tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).

Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 22.947.419 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.
Công ty chỉ có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
2. **Cổ phần :** Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông.
3. Cổ đông sáng lập là các cổ đông thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty cổ phần. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Điều 47 của Điều lệ này.
4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với qui định của Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.
7. Công ty có thể phát hành cổ phiếu ưu đãi tùy theo nhu cầu huy động vốn. Việc phát hành cổ phiếu ưu đãi phải tuân theo quy định của Pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
8. Hàng năm, căn cứ hiệu quả sản xuất kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định phát hành thêm cổ phiếu thưởng để lập Quỹ cổ phiếu thưởng cho CBCNV có đóng góp cho hiệu quả sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển Công ty với giá

ưu đãi. Số lượng cổ phiếu thưởng phát hành thêm và giá phát hành sẽ do Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định.

Số cổ phiếu thưởng nói trên CBCNV không được chuyển nhượng trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định thưởng.

Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu.

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một Giấy chứng nhận cổ đông nhất định
2. Công ty phát hành 02 loại cổ phiếu :
 - a - Cổ phiếu ghi danh : Là cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước, thành viên HĐQT và cổ phần ưu đãi theo Nghị định 64 của Chính phủ.
 - b - Cổ phiếu không ghi danh : Là cổ phần không thuộc sở hữu của các đối tượng nêu ở điểm (a) và khi Công ty phát hành cổ phiếu mới.
3. Mọi Giấy chứng nhận cổ đông phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận cổ đông này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một Giấy chứng nhận cổ đông ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
4. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một Giấy Chứng nhận cổ đông (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng .
5. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một Giấy Chứng nhận cổ đông ghi danh thì Giấy Chứng nhận cổ đông cũ sẽ bị huỷ bỏ và một Giấy Chứng nhận cổ đông mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
6. Nếu một Giấy Chứng nhận cổ đông ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì một Giấy Chứng nhận cổ đông mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
7. Người sở hữu cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy Chứng nhận cổ đông và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
8. Tất cả các mẫu Giấy Chứng nhận cổ đông hoặc Trái phiếu hoặc các Chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Điều 8 : Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này; cổ đông mua bán chuyển nhượng cổ phần khi muốn thay đổi quyền sở hữu phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty. Tất cả các cổ

phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần thuộc vốn Nhà nước được bán với giá ưu đãi cho người lao động trong Công ty khi chuyển thành Công ty cổ phần được thừa kế và có quyền chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Các cổ phần ưu đãi này không được chuyển nhượng khi chưa đủ 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Cổ phần không ghi danh được tự do chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hợp pháp hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.

Điều 9 : Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm.

- a. Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Tổng Giám đốc.
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Điều 10 : Quyền hạn của cổ đông Công ty.

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :
 - a. Trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền của mình tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp.

- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
 - e. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi.
 - f. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.
 - g. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần phổ thông, có các quyền sau :
- a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - b. Xem và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải có các nội dung chủ yếu sau :
 - Tên cụ thể, trụ sở chính, địa chỉ của cổ đông.
 - Số cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty.
 - Vấn đề cần kiểm tra, mục đích của kiểm tra.
 - d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 11 : Nghĩa vụ của các cổ đông.

- a. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế ; các Quyết định của HĐQT và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- b. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi vốn góp vào Công ty.
- c. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Luật pháp quy định.

Điều 12 : Đại hội đồng cổ đông.

- 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngày 28/04/1964 là ngày Bác Hồ về thăm công ty, hằng năm công ty lấy ngày 28/04 là ngày truyền thông của công ty. Thời gian Quý 1 đến hết tháng 4 hằng năm là dịp Công ty phát động các phong trào thi đua làm theo lời Bác, đây là đợt hành động rất quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất

kinh doanh cũng như tạo tiền đề cho việc hoàn thành KHSXKD cả năm đạt được kết quả tốt nhất. Các bộ phận, đơn vị trong toàn Công ty tập trung thi đua lập thành tích báo công dâng Bác. Vì vậy để chuẩn bị cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm được chu đáo Hội đồng quản trị ra quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong tháng 5 hoặc tháng 6 hàng năm, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định . Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau :

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy.

- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc Báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn Điều lệ đã bị mất một nửa.
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại điều 10.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - f. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3d hoặc 3e trên đây.
 - g. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên. Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập các cổ đông.

- h. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3d của điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.
- i. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham gia Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm.
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
 - d. Báo cáo của các kiểm toán viên.
 - e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các Quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau :
 - a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm, quyết định mức cổ tức hàng năm.
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
 - c. Lựa chọn Công ty kiểm toán.
 - d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
 - e. Tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - f. Bổ xung và sửa đổi Điều lệ.
 - g. Loại cổ phần và lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.
 - h. Sáp nhập, chia tách hoặc chuyển đổi Công ty.
 - i. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
 - k. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - l. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành.
 - m. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 khoản 1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá

trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một Nghị quyết nào để thông qua:
 - a. Các Hợp đồng quy định tại điều 13.2. nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng.
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 14 : Các Đại diện được uỷ quyền.

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Đại diện được uỷ quyền không được uỷ quyền lần thứ hai cho người khác.
2. Việc chỉ định Đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.
 - b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người Đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp văn bản chỉ định Đại diện được uỷ quyền được một Luật sư ký thay mặt cho người uỷ quyền thì thư uỷ quyền cho Luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư uỷ quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định Đại diện được uỷ quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
4. Nếu 48 tiếng trước cuộc họp, Công ty không nhận được thông báo nào về việc huỷ bỏ uỷ quyền, thì lá phiếu bầu của Đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi :
 - a. Cổ đông chỉ định Đại diện uỷ quyền đó đã chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình.
 - b. Cổ đông chỉ định Đại diện uỷ quyền đó đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền.

- c. Cổ đông chỉ định Đại diện ủy quyền đó huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
5. Đại diện được ủy quyền không được đem thế chấp, cầm cố và bảo lãnh số cổ phiếu được ủy quyền trong bất kỳ trường hợp nào.

Điều 14b : Thay đổi các quyền.

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 15 : Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình Họp và Thông báo.

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 12.3g và 12.3h.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ

- đồng được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - f. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông :
- a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân đối với cá nhân, tên trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
 - b. Cổ đông có quyền kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 10.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 7 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 5 của Điều này nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.
 - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các Nghị quyết.
7. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị Dự thảo một Nghị quyết.

Điều 16 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, Đại hội phải triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ 2 và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay Đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
4. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến :
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu Tổ chức quản lý Công ty.
 - d. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - e. Dự án Đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được thông qua bởi 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
5. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Các Biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung Biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những Biên bản đó . Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép Biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
6. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
8. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
9. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các điều kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

11. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

12. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc Đại diện được uỷ quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc Đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những qui định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.

13. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự Đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).

Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

14. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm Đại hội, Hội Đồng Quản trị có thể:

- a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong Thông báo và chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm Đại hội chính).
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc Đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm Đại hội Chính có thể đồng thời tham gia Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

15. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm Đại hội chính.

16. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Trường hợp Điều lệ Công ty không có các qui định khác thì Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ :

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.
 - b. Định hướng phát triển Công ty.
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và ban kiểm soát.
 - e. Quyết định Đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
17. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
18. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17 : . Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 16 Điều 16 Điều lệ này.
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.
- 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch,

- số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17b : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - h. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên

bản hợp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17c : Thành phần và nhiệm kỳ.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Điều 18 : Thành phần và nhiệm kỳ.

1. HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Số thành viên của HĐQT là 5 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 2b. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 18a : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - f) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 30% được đề cử một thành viên; từ trên 30% đến 50% được đề cử hai thành viên vào HĐQT; Nếu từ trên 50% đến 70% thì được đề cử ba thành viên để bầu vào HĐQT. Và nếu trên 70% thì họ được quyền đề cử 04 thành viên để bầu vào HĐQT.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội

đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị :
 - + Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản trị Doanh nghiệp
 - + Có hiểu biết Luật pháp
 - + Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
 - + Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị. Cụ thể thuộc những đối tượng sau :
 - + Cán bộ, công chức theo quy định của Pháp luật về cán bộ, công chức.
 - + Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.
 - + Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các Doanh nghiệp Nhà nước, trừ những người được làm đại diện để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty.
 - + Người chưa thành niên, người thành niên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - + Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của Pháp luật.
 - + Chủ Doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) , Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong ba năm gần đây.
 - + Người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.
 - b. Thành viên đó gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên của Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp nhận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm đã được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 19 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

- 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác.
- 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ chính sau:
 - a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định Phương án đầu tư.
 - e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ đó.
 - g. Quyết định phân phối quỹ khen thưởng cho những người có nhiều đóng góp tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - h. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Kênh tiêu thụ và việc góp vốn mua cổ phần của Doanh nghiệp khác.
 - i. Trình Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

- j. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - k. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
 - l. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - m. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
 - o. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Các Hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau đây:
Đối với các Hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
 - b. Trường hợp Hợp đồng quy định trên được ký mà chưa được HĐQT chấp thuận thì Hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
6. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Luật pháp qui định khác.
7. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao ; Mức thù lao hàng năm cho HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

8. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
9. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20 : Chủ tịch, phó chủ tịch, và thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 5 năm trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được tái cử.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau :
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
 - c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức, thực hiện các Nghị quyết của HĐQT .
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp HĐQT.
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Phó chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm hoặc chỉ định một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo tóm tắt nội dung Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo về tình hình chung của Công ty, Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và Báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Khi Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.
6. Thành viên HĐQT :
 - a. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT : Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.
Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

- b. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về những việc mình làm nhân danh Công ty. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành trong Công ty.

Điều 21 : Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- 1a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Địa điểm họp : Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những

tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng.

- 6b. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Biểu quyết :

- a. Trừ quy định tại mục 8b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c. Theo quy định tại Mục 8d điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162.1 của Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- 8a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác
- 8b) Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
9. Tuyên bố lợi ích : Một thành viên Hội đồng mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một Hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết Hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Biểu quyết đa số : Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra Quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt : Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho Thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác : Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức Nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - b. Nếu muốn người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản : Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng.
- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

14. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những Biên bản đó sẽ phải được xem xét như những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành trong cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các Biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Những người được mời họp dự thính : Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

16. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị có thể được uỷ quyền hành động và Quyết định cho các Tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi Tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên của Hội đồng quản trị vào các Tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban nhưng:

- a. Số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.
- b. Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua Nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

VIII- TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.

Điều 22 : Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị. Việc

bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 23 : Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 24 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- 1- Bổ nhiệm : Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký Hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 2- Nhiệm kỳ: Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị . Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm trùng với nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐQT. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
- 3- Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, các loại chuyên gia, tư vấn, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

- d. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- e. Quyết định sử dụng đúng mục đích quỹ đối ngoại, quyền góp trợ cấp, phúc lợi của Công ty.
- f. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với chiến lược kinh doanh dài hạn của Công ty.
- g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
- h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- i. Chuẩn bị các Bản dự toán dài hạn hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là Bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch Kinh doanh, sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty.
- j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, các Quy chế của Công ty và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và Pháp luật.
 - i. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông : Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
 - ii. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên trong Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của đối tượng bãi nhiệm trong trường hợp này) và bổ nhiệm một người khác thay thế. Đối tượng bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 25 : Thư ký Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều Thư ký với nhiệm kỳ và những điều khoản theo Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định Pháp luật về lao động hiện hành. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐH đồng cổ đông, HĐQT, ghi chép các biên bản họp.
- b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền & lợi ích hợp pháp của cổ đông.

- đ. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

IX- NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ.

Điều 26 : Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người Đại diện theo pháp luật và người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người Đại diện theo pháp luật và người quản lý Công ty được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm trách nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
2. Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn , bị đơn, người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan trước trọng tài , tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
 - 3.1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây :
 - a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao 1 cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.
 - b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp ; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp , không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân hoặc cá nhân khác.
 - c. Thông báo kịp thời , đầy đủ , chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần góp vốn chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 - 3.2. Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 3.1 điều này.
4. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.
 - 4.1. Thành viên HĐQT , Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây :
 - a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật này; Pháp luật có liên quan , Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông ; không sử dụng thông tin , bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty , địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d. Thông báo kịp thời , đầy đủ , chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp , cổ phần chi phối ; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty .

4.2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.

Điều 27 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty ; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ Tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Các Hợp đồng kinh tế dân sự của Công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan với họ chỉ được ký kết theo quy định sau đây:
 - a. Các Hợp đồng có giá trị trên 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
 - b. Các Hợp đồng có giá trị từ 15% đến 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT có người có liên quan là bên ký Hợp đồng không có quyền biểu quyết.

Trường hợp Hợp đồng quy định tại điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận thì Hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc cán bộ quản lý hay người có liên quan nào của họ không được phép mua hay bán hoặc giao

dịch theo bất cứ hình thức nào các cổ phiếu của Công ty, khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 28 : Trách nhiệm và bồi thường.

1. Trách nhiệm : Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ và hành động một cách không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm trước cổ đông và Pháp luật về những thiệt hại do hành động vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường : Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã đang và có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó được uỷ quyền của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư) chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Luật pháp cho phép với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X - BAN KIỂM SOÁT:

Điều 29: Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 3 thành viên, trong đó ít nhất phải có 1 thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát bầu 1 thành viên làm trưởng ban; Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm trùng với nhiệm kỳ của HĐQT.
2. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau :
 - a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và Báo cáo tài chính.
 - b. Thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 14 khoản 2 của Luật Doanh nghiệp.

- c. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, Báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty ; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- f. Ban kiểm soát phải tiến hành kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 7 ngày, kể từ khi nhận được yêu cầu, nếu yêu cầu đó có đủ nội dung qui định tại Điều 10 điểm 3.d Điều lệ này.

Sau khi kết thúc kiểm tra Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra đến HĐQT, cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu; Thông báo phải nêu rõ tính hợp pháp, hợp lý và sai sót, kiến nghị giải pháp tương ứng khắc phục ,nếu có ,trong vấn đề được kiểm tra; Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

- g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Việc kiểm tra quy định tại các điểm a. và b. khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- h. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- i. Khi phát hiện có thành viên HĐQT , TGD vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo trong vòng 48 giờ bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- k. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Đối với việc kiểm toán Công ty :

- a. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.

- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
 - d. Xem xét Thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty.
4. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát :
- + Có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
 - + Có hiểu biết về Pháp luật.
 - + Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
 - + Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
 - + Trưởng Ban Kiểm soát phải là cổ đông của Công ty, do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - + Trong số thành viên Ban Kiểm soát phải có ít nhất 01 người có chuyên môn nghiệp vụ về kế toán.
5. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát:
- + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; người có liên quan của thành viên HĐQT, của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty đó.
 - + Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề, vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của Pháp luật.
6. Đề cử vào Ban kiểm soát:
- a. Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 6 tháng liên tiếp trở lên, có quyền đề cử một ứng viên vào Ban Kiểm soát.
 - b. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 6 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp số cổ phần có quyền biểu quyết với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến 30% thì họ được phép đề cử 1 người; nếu từ trên 30% đến 50% họ được đề cử 2 người; nếu từ trên 50% họ được đề cử 3 người .

7. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát và Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các Thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các Biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

8. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tịch Ban Kiểm soát.
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát.
- c. Lập và ký Báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông .

9. Các thành viên Ban kiểm soát được nhận thù lao; Mức thù lao hàng năm cho Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định .Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các Quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

11. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo đó.

12. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

13. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Điều 12 điểm 3e của Điều lệ này.

14. Một thành viên Ban Kiểm soát không có tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị Pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát.
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.
- c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.

- d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

XI- QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.

Điều 30 : Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau.
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những Bản sửa đổi bổ xung Điều lệ, Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, các Quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Mọi cổ đông nếu có yêu cầu, đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty miễn phí. Nếu Công ty có một Website, Điều lệ này phải được đưa lên Website đó.

XII- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.

Điều 31: Công nhân viên và công đoàn.

Tổng giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Công ty và Pháp luật.

XIII- PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.

Điều 32: Cổ tức.

1. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo qui định của Pháp luật, mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Công ty khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác.
2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:
 - a. Quỹ dự trữ bắt buộc : Được trích lập để dự phòng bù đắp cho các rủi ro bất khả kháng trong hoạt động kinh doanh của Công ty : 5% lợi nhuận còn lại. Quỹ được trích cho đến khi bằng 10% vốn Điều lệ thì không trích tiếp.
 - b. Quỹ đối ngoại, quyên góp, trợ cấp, phúc lợi : dùng chỉ cho những nội dung đối ngoại, quyên góp, trợ cấp, phúc lợi (những khoản chi không được tính vào chi phí): tối thiểu 5% lợi nhuận còn lại.
 - c. Quỹ khen thưởng: dùng để chi thưởng động viên những người có nhiều đóng góp tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty: 10% lợi nhuận còn lại.
3. Theo qui định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác liên quan tới một cổ phiếu.
5. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh

toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty Chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể Quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết của mình qui định ngày 31 tháng 12 hàng năm làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Việc nhận các quyền lợi trên được thực hiện từ sau ngày này. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 33 : Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.

Trường hợp trong năm tài chính kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Đại hội đồng cổ đông xử lý theo các trình tự cơ bản sau :

1. Trích quỹ dự trữ tài chính để bù lỗ.
2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau theo quy định, đồng thời HĐQT phải kiểm điểm tìm ra nguyên nhân, trình Đại hội đồng cổ đông các giải pháp và kế hoạch khắc phục thua lỗ cụ thể.
3. Xử lý theo chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước và các quy định của Pháp luật.

XIV- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 34: Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các qui định của Pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 35 : Năm tài khoá.

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 36 : Hệ thống kế toán.

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.**Điều 37: Báo cáo hàng năm**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi, lỗ của Công ty trong năm tài chính và các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
3. Một Bản tóm tắt nội dung Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán sẽ được thông báo đến các cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông kế tiếp.
4. Công ty phải lập các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và hàng quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 38: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các tài liệu cần thiết khác theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

XVI- KIỂM TOÁN CÔNG TY.**Điều 39 : Kiểm toán**

1. Công ty sẽ cung cấp các Báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính để phục vụ mục đích kiểm toán. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, danh sách các công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt

- động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty Kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận về Báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo kiểm toán và trình Báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày được cung cấp các Báo cáo tài chính của Công ty. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
 3. Một Bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ được đính kèm với mỗi bản Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

XVII- CON DẤU.

Điều 40 : Con dấu.

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo qui định của Pháp luật hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, sử dụng và quản lý con dấu theo qui định của Pháp luật hiện hành.

XVIII- CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.

Điều 41 : Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo Qui định của Pháp luật hiện hành.
 - b. Giải thể theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

Các trường hợp khác do Pháp luật qui định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định này phải được thông báo đến Cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 42 : Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.

Trừ khi Điều lệ này có qui định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo qui định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo qui định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 43 : Thanh lý.

1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một Quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các Quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý.
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước.
 - d. Các khoản vay (nếu có).
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty.
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.

Điều 44 : Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ

do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các qui định hành chính qui định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty.
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ Quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng [6] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án Kinh tế.
 3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX- SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.

Điều 45 : Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những Qui định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những qui định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động và Điều lệ của Công ty.

XXI- NGÀY HIỆU LỰC.

Điều 46 : Ngày hiệu lực.

1. Điều lệ này gồm XXI chương và 47 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bông đèn Phích nước Rạng Đông nhất trí thông qua ngày 05 tháng 5 năm 2007 tại Hà Nội; được bổ sung và sửa đổi lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày 05/5/2012; được bổ sung và sửa đổi lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông ngày 07/5/2016; được bổ sung và sửa đổi lần 3 tại Đại hội đồng cổ đông ngày

26/6/2021, được bổ sung và sửa đổi lần 4 tại Đại hội đồng cổ đông ngày 25/6/2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 47 : Cổ đông.

Chữ ký của Đại diện cổ đông (Thành viên Hội đồng quản trị Công ty)

1) Trần Trung Tường

2) Nguyễn Đoàn Kết

3) Nguyễn Đoàn Thắng

4) Nguyễn Hoàng Kiên

5) Trần Văn Thái.....



TY
N
NƯỚC
NG
P.H.P